

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục các dự án có đầu tư xây dựng nhà ở thương mại công bố lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh Bất động sản ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 94/TTr-SXD ngày 20/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các dự án có đầu tư xây dựng nhà ở thương mại công bố lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2018 (có Danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm các sở, ngành, các đơn vị có liên quan:

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; UBND thành phố Sơn La, UBND các huyện Thuận Châu, Mộc Châu và Bắc Yên thực hiện công bố công khai danh mục các dự án, triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị tỉnh phối hợp với Sở Xây dựng trong việc 

trình chủ trương đầu tư xây dựng các dự án.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Quản lý khu vực phát triển đô thị tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Sơn La; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./. *TSV*

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh; (báo cáo)
- Đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng TH - VPUBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Đạt). 25 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hải



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ Ở THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số **95** /QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

Handwritten signature

STT	Tên các dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Hiện trạng khu đất	Chức năng sử dụng đất	Quyết định phê duyệt quy hoạch	Bên mời thầu	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư	Tiến độ thực hiện dự án
I	Thành phố Sơn La								
1	Xây dựng nhà ở thương mại và Hạ tầng khu dân cư Tổ 12 Phường Quyết Thắng	Tổ 12 Phường Quyết Thắng, Thành phố Sơn La	0,6116	Đã giao cho Trung tâm quỹ đất quản lý	Đất ở; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	Số 348/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND thành phố Sơn La	Ban quản lý khu vực phát triển đô thị tỉnh	Công văn số: 666/UBND-TH ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh Sơn La	2018-2022
2	Xây dựng nhà ở thương mại và Hạ tầng khu dân cư Tổ 02 Phường Quyết Thắng	Tổ 02 Phường Quyết Thắng, Thành phố Sơn La	0,2911	Đã giao cho Trung tâm quỹ đất quản lý	Đất ở; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	Số 347/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND thành phố Sơn La		Công văn số: 667/UBND-TH ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh Sơn La	2018-2021
3	Xây dựng nhà ở thương mại và Hạ tầng khu dân cư Tổ 09 Phường Quyết Tâm	Tổ 09 Phường Quyết Tâm, Thành phố Sơn La	0,1387	Đã giao cho Trung tâm quỹ đất quản lý	Đất ở; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	Số 349/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND thành phố Sơn La		Công văn số: 668/UBND-TH ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh Sơn La	2018-2021
4	Khu Đô thị số 1 tại Phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Bản Sắng, phường Chiềng Sinh, Thành phố Sơn La	9,64	Đất phi nông nghiệp và đất sản xuất nông nghiệp	Đất thương mại dịch vụ; đất ở; đất công trình công cộng, cây xanh; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	Số 415/QĐ-UBND ngày 27/02/2018 của UBND tỉnh		Công văn số 1315/TTHĐND ngày 03/4/2018 của Thường trực HĐND tỉnh Sơn La	2018-2022
5	Khu Đô thị 1 tại Phường Chiềng An, thành phố Sơn La	Phường Chiềng An, Thành phố Sơn La	9,07	Đất nông nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản	Đất thương mại dịch vụ; đất ở; đất công trình công cộng, cây xanh; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	Số 2800/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Sơn La		Công văn số 1315/TTHĐND ngày 03/4/2018 của Thường trực HĐND tỉnh Sơn La	2018-2022
6	Khu Đô thị 2 tại Phường Chiềng An, thành phố Sơn La	Phường Chiềng An, Thành phố Sơn La	9,77	Đất nông nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản	Đất dịch vụ thương mại; đất ở; Đất công trình công cộng, cây xanh; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	Số 2800/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Sơn La			2018-2022
7	Khu đô thị tại bản Buồn, Phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Bản Buồn, Phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	4,1426	Đất trồng lúa nước và đất nuôi trồng thủy sản	Đất thương mại dịch vụ; đất ở; Đất công trình công cộng, cây xanh; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	Số 1125/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của UBND tỉnh Sơn La		CV số: 438/UBND-TH ngày 02/2/2018 của UBND tỉnh	2018-2020
8	Khu đô thị tại bản Buồn và bản Mé Phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Bản Buồn và bản Mé Phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	5,036	Đất trồng lúa nước và đất nuôi trồng thủy sản	Đất dịch vụ thương mại; đất ở; Đất công trình công cộng, cây xanh; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	Số Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh Sơn La; số 733/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND thành phố Sơn La	Ban quản lý khu vực phát triển đô thị tỉnh	CV số: 437/UBND-TH ngày 02/2/2018 của UBND tỉnh Sơn La	2018-2019
9	Khu dân cư thương mại suối Nậm La - lô số 5	Phường Chiềng Lẻ, Thành phố Sơn La	5,487	Đất trồng lúa	Đất thương mại dịch vụ; đất ở; đất công trình công cộng, cây xanh; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	Số 3131/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Sơn La		CV số: 436/UBND-TH ngày 02/2/2018 của UBND tỉnh Sơn La	2018-2020
10	Khu Đô thị Phường Chiềng Lẻ và phường Chiềng An, thành phố Sơn La	Phường Chiềng Lẻ và phường Chiềng An, thành phố Sơn La	6,34	Đất nông nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản	Đất thương mại dịch vụ; đất ở; đất cây xanh; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	Số 3131/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh			2018-2020

STT	Tên các dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Hiện trạng khu đất	Chức năng sử dụng đất	Quyết định phê duyệt quy hoạch	Bên mời thầu	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư	Tiến độ thực hiện dự án
II Huyện Thuận Châu									
1	Khu Đô thị tại xã Chiềng Lỵ và thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	Xã Chiềng Lỵ và thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	9,75	Đất trồng lúa, Đất giao thông, Đất ở	Đất thương mại dịch vụ; đất ở; đất công trình công cộng, cây xanh; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	Số 3561/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 của UBND tỉnh			2018-2020
2	Khu Đô thị tại xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu	Huyện Thuận Châu	7,8	Đất trồng lúa nước và đất nuôi trồng thủy sản	Đất ở; đất công trình công cộng, cây xanh; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	Số 1388/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của UBND tỉnh			2018-2020
III Huyện Mộc Châu									
1	Khu ở thuộc khu dân cư tiểu khu 19/8, thị trấn Nông Trường Mộc Châu	Tiểu khu 19/8, TTNT Mộc Châu	0,736	Đất giao cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng quản lý	Đất ở, đất giao thông, đất công cộng	Số 4164/QĐ-UBND ngày 05/11/2004 của UBND tỉnh Sơn La			2018-2020
2	Khu ở thuộc khu dân cư tiểu khu 10, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 10, thị trấn Mộc Châu	6,8	Đất nông nghiệp, đất ở	Đất ở, đất giao thông, đất công cộng, đất thương mại dịch vụ				2018-2020
3	Khu đô thị Tây Tiến, tiểu khu 13, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 13, thị trấn Mộc Châu	6,4	Đất nông nghiệp, đất giáo dục, đất ở dân cư, đất giao thông	Đất ở, đất giao thông, đất công cộng, đất giáo dục				2018-2020
4	Khu dân cư bản Nà Bó, xã Mường Sang	Bản Nà Bó, xã Mường Sang	3,0	Đất nông nghiệp	Đất ở; đất công trình công cộng, cây xanh; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật;	Số 3222/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của UBND huyện Mộc Châu			2018-2020
5	Tổ hợp khách sạn, nhà ở và chợ du lịch Mộc Châu	Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	5,6	Đất nông nghiệp	Đất ở, đất giao thông, đất công cộng, Đất thương mại	Số 342/QĐ-UBND ngày 20/5/2005 của UBND huyện Mộc Châu			2018-2020
IV Huyện Bắc Yên									
1	Khu đô thị mới thị trấn Bắc Yên	Tiểu khu 3, thị trấn Bắc Yên	9,9755	Đất trồng lúa nước	Đất thương mại dịch vụ; đất ở; Đất công trình công cộng, cây xanh; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	Số 3157/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh Sơn La			2018-2020